**Cách hoá giải chướng nạn khi tu hành.**

**Lời Khuyên Dạy Của Cổ Đức**

Khi mới vào chùa, bút giả nghe được một truyền thuyết bao hàm ẩn ý, mà không biết có đúng với nguyên ngữ chăng, và phát xuất từ đâu? Câu ấy là: "Phật cao nhứt xích, ma cao nhứt trượng, Phật cao nhứt trượng, ma cao quá trượng đầu, Phật cao siêu quá trượng đầu, ma quy hàng Phật." Ý nghĩa câu này là: "Phật cao một thước, ma cao một trượng. Phật cao một trượng, ma cao khỏi đầu trượng; nếu Phật cao vượt khỏi đầu trượng nữa, ma sẽ quy hàng Phật." Suy gẫm theo câu trên, người tu phải làm sao cho ông Phật của mình cao hơn con ma, nếu chẳng thế tất bị ma chướng đánh đổ. Cho nên trong làng tu, những kẻ bị thối bại không nên đổ cho hoàn cảnh, hoặc phiền trách ai, chỉ trách tại ông Phật của mình thua con ma mà thôi. Nếu cố gắng giữ vững chí nguyện, ma chướng sẽ tiêu trừ. Vì biết trên đường tu có nhiều chướng ngại, khi xưa đức Đạt Ma Tổ Sư đã nói bốn hạnh để làm phương châm tiến đạo cho hàng đệ tử. Bốn hạnh ấy là: Báo Oan Hạnh, Tùy Duyên Hạnh, Xứng Pháp Hạnh và Vô Sở Cầu Hạnh.

1. Sao gọi là Báo Oan Hạnh? - Chúng ta từ trước đến nay luân hồi trong sáu nẻo, mỗi đời đều gây nghiệp trái hoặc ân hoặc oán, từ việc nhỏ đến việc lớn, có thể nói là vô lượng vô biên. Cho nên khi ta hành đạo, tuy nhờ công đức tu tập tiêu trừ một phần nào, nhưng các nghiệp chưa tan, tất phải lần lượt đền trả. Như người thường đau yếu hoặc tàn tật, do kiếp trước đã tạo nghiệp sát sanh. Người bị nhiều tiếng thị phi khen chê, do kiếp trước ỷ thông minh quyền thế xem rẻ người, hoặc đã tạo nghiệp hủy báng. Người bị nghèo khổ thiếu hụt, do kiếp trước không có lòng xót thương tu hạnh bố thí. Người bị gông cùm tra khảo tù đày, do kiếp trước hay trói buộc, đánh đập, giam nhốt chúng sanh. Kẻ bị cô độc lẻ loi thiếu người phụ trợ, do kiếp trước không hoan hỷ kết duyên với mọi người. Những nghiệp như thế vô lượng vô biên, ngày nay tu hành khi bị oan trái đến, phải an lòng nhẫn nại chịu đền trả, không nên oán trách buồn phiền. Nơi kiếp luân hồi, chúng sanh đều có ăn uống cùng gia đình đôi bạn, nên trong các nghiệp duy có nghiệp sát và nghiệp ái là nặng nhứt. Cổ đức đã than: "Bể nghiệp mênh mang, khó đoạn không chi hơn ái dục. Cõi trần man mác, dễ phạm duy chỉ có sát sanh!"

- Bút giả từng nghe một Phật tử Bắc Việt thuật lại câu chuyện, vì lâu quá chỉ nhớ phần đại khái, quên mất tên họ địa chỉ của người trong cuộc. Phật tử ấy nói: "Có một vị sư nguyên là thầy giáo, vì tỉnh ngộ cảnh thế phù du, nên lên tịnh tu trên núi. Trải một thời gian, vị sư được chư thần mách bảo rằng: ‘Ông có duyên nợ mười chín năm với một cô tên họ là thế, nay tuy đã tu hành không nên kết duyên chồng vợ, nhưng phải xuống núi dạy dỗ giác ngộ cô kia, trả xong mối nợ tiền khiên đúng như thời hạn ấy, rồi trở lên núi tu hành mới có thể thành công’. Vị sư y lời xuống núi, quả nhiên gặp một cô tên họ đúng như chư thần đã bảo, cảm mến đeo đuổi. Sư khuyên nhủ dạy đạo cho cô, trả xong y theo thời hạn rồi lên núi. Lúc lâm biệt cô ấy vẫn còn quyến luyến khóc lóc." Đây là sự trả nợ nần về nghiệp ái.

Về nghiệp sát, như Sư Tử tôn giả bên Ấn Độ và Thần Quang nhị tổ ở Trung Hoa tuy đều đắc đạo, nhưng ngày kết liễu vẫn phải an nhiên chịu chém để đền nợ mạng. Lại như ngài Mục Kiền Liên tuy đắc quả A La Hán, thần thông bậc nhất trong hàng Thanh Văn, nhưng vì muốn trả túc nghiệp, nên để bọn hung đồ dùng đá gậy liệng đánh cho đến chết, thi hài lại bị vùi trong hầm phẩn. Đức Phật thấy thế thương xót, sai đệ tử đem thây Ngài lên tắm rửa sạch sẽ, xoa ướp dầu thơm, rồi đem đi trà tỳ thâu lấy xá lợi. Và như thái tử nước An Tức xuất gia tu hành đắc đạo, dùng Túc Mạng Trí thấy mình còn nghiệp trái sát sanh, nên ba phen chuyển kiếp đến xứ Lạc Dương ở Trung Hoa trả nợ mạng ba lần. Kiếp sau rốt, ngài là sa môn An Thế Cao.

Cho nên trên đường tu đâu biết ai là toàn vẹn, ta không nên tự mãn mà khinh thường người. Bởi nghiệp trái của chúng sanh rất nhiều, có khi đền trả hết lớp này lại đến lớp khác. Nhiều vị xem dường rảnh rang không oan trái, nhưng chưa hẳn là không có, chỉ vì chưa đến thời tiết nhân duyên đền trả đó thôi. Muốn dứt oan khiên ta phải an nhẫn sám hối và cố gắng tu hành để diệt trừ. Thi sĩ Nguyễn Du có lẽ đã tin sâu về thuyết nghiệp báo và sự cải tạo nhân quả của nhà Phật, nên mới có câu:

Đã mang lấy nghiệp vào thân

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa

Có trời mà cũng có ta...

Lời này đã được nhiều bậc thức giả công nhận.

2. Thế nào là Tùy Duyên Hạnh? - Đây là nói sự an phận tùy duyên của người tu cảnh nào sống theo cảnh ấy. Như cảnh giàu sang tùy theo giàu sang, cảnh nghèo hèn tùy theo nghèo hèn, cảnh man rợ tùy theo man rợ, cảnh hoạn nạn tùy theo hoạn nạn, cho đến cảnh thạnh suy, họa phước, đắc thất, thị phi... cũng đều như thế. An phận tùy duyên đây, là giàu sang mà không tự đắc kiêu căng, nghèo hèn hoạn nạn mà không buồn rầu đổi chí. Tại sao thế? Vì tất cả cảnh thạnh suy họa phước đều như huyễn, chỉ tùy nghiệp hiện lên một thời gian rồi diệt, có chi đáng tham luyến nản buồn?

Khi xưa, đức Khổng Tử và đồ đệ bị giặc vây giữa nước Trần, nước Thái, thầy trò tuyệt lương đã bảy ngày, song Ngài vẫn khảy đàn tươi cười. Tử Cống hỏi: "Tại sao gặp hoàn cảnh sống chết không định ngày, mà phu tử hãy còn vui cười được?" Ngài đáp: "Việc gì ta đã cố gắng làm hết sức ta mà xảy ra như vậy, là mạng trời, buồn rầu thương khóc nào có ích chi?" Như đức Khổng Tử có thể gọi là bậc thánh tri mạng, luôn luôn bình tĩnh sáng suốt, không bị bối rối đổi thay trước mọi hoàn cảnh. Người tu nên như thế, phải xem ruộng vườn, nhà cửa, quyến thuộc, tài sản đều là duyên giả tạm, không vì nó mà quyến luyến bận tâm, mới có thể tiến lên đường giải thoát.

3. Sao gọi là Xứng Pháp Hạnh? - "Pháp" đây là Chân Như pháp, đối với người tu Tịnh Độ là Niệm Phật Tam Muội. Người tu Thiền khi đi đứng nằm ngồi, tâm phải xứng hợp với pháp Chân Như, như nước hòa nước, tợ hư không hợp với hư không. Hành giả tu Tịnh Độ cũng thế, tâm lúc nào cũng trụ nơi câu niệm Phật. Cổ đức bảo: "Nếu tạm thời không trụ nơi chánh định, tức đồng như người đã chết." Bởi không trụ được nơi chánh định, tức là bị trần cảnh đoạt. Bị trần cảnh cướp đoạt lôi cuốn, thì pháp thân huệ mạng không còn. Cho nên người tu Tịnh Độ nếu thường trụ nơi câu niệm Phật, thì tâm địa lần lần lặng yên sáng suốt, cảm thông với Phật, chắc chắn sẽ được vãng sanh.

4. Thế nào là Vô Sở Cầu Hạnh? - Đạo là chỉ cho tâm hạnh trong sạch không mong cầu điều chi. Bởi tất cả pháp đều như huyễn, sanh rồi diệt, diệt lại sanh, có chi chân thật để mong cầu? Vả lại pháp thế gian đều tương đối, trong họa có phước, trong phước có họa, nên người trí vẫn bình thản, ở cảnh thạnh suy họa phước đều không động tâm. Thí dụ: một tăng sĩ khi ẩn tu nơi am tranh vắng vẻ, sự sống hẩm hiu, ít người thăm viếng, duyên đời tuy suy nhưng đạo lại thạnh. Ít lâu sau, nếu có người đạo tâm hay biết tới cúng dường, lần lần lập nên chùa lớn, tăng chúng tập trung về đông đảo, chừng ấy phước duyên tuy thạnh nhưng phần giải thoát lại suy, bởi vị ấy mắc bận tâm lo ứng phó công việc bên ngoài. Lẽ họa phước ẩn nương nhau cũng như thế. Cho nên tâm hạnh của người tu là không cầu việc ác, hay cầu làm chúng sanh, cũng không cầu điều thiện, hoặc cầu thành Phật. Có người hỏi: "Nếu niệm Phật không cầu vãng sanh, không cầu phước huệ viên mãn để thành Phật, thì làm sao tu tiến?" Đáp: "Bởi Phật là chơn không, càng cầu lại càng xa càng mất." Vì thế Kinh Pháp Hoa nói: "Giả sử có vô số bậc Thanh Văn, Duyên Giác cho đến hàng Bất Thối Bồ Tát, trong vô lượng kiếp suy nghĩ tìm cầu, cũng không thấy hiểu được thật trí của Phật." Về sự vãng sanh, thì lối cầu của người tu là cầu mà không cầu, không cầu mà cầu. Sự ứng dụng ấy như mặt gương sáng trong, khi hình đến thì chiếu soi, hình đi, lại lặng yên rỗng suốt. Giữ sự thấy biết tìm cầu thì lạc vào vọng tưởng, không thấy biết tìm cầu nào khác gì gỗ đá vô tri!" Nói rộng ra, hạnh Vô Sở Cầu đây gồm cả ba môn: Không, Vô Tướng, Vô Nguyện vậy.

Nếu người tu giữ theo bốn hạnh của đức Đạt Ma Tổ Sư đã dạy, thì có thể bình thản trước mọi chướng duyên.

( trích: niệm Phật thập yếu- cố HT Thích Thiền Tâm\_ một cao tăng Việt Nam Thời cận đại)